

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU NĂM 2024  
(Số liệu tính đến 31/12/2024)

| TT | Họ và tên       | Đơn vị          | Chức vụ                         | Trình độ | Chuyên môn                  | Lĩnh vực phụ trách                                                                                     | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|----|-----------------|-----------------|---------------------------------|----------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| 1  | Thái Anh Tuấn   | Hội đồng trường | Giảng viên,<br>Chủ tịch HĐT     | TS       | Kế toán                     | Hội đồng trường                                                                                        | Kinh tế, quản lý       |         |
| 2  | Phạm Hữu Truyền | Ban Giám hiệu   | GVCC, Hiệu trưởng               | TS       | Kỹ thuật cơ khí động lực    | Phụ trách chung: Chiến lược, nhân sự, tài chính, tài sản, đào tạo bồi dưỡng CMNV, đối ngoại và HTQT... | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 3  | Cao Danh Chính  | Ban Giám hiệu   | GVCC, Phó Hiệu trưởng           | TS       | Giáo dục học                | Đào tạo, CTĐT, khảo thí và ĐBCL, quan hệ DN và việc làm, công tác chính trị sinh viên                  | Giáo dục, quản lý      |         |
| 4  | Thái Hữu Nguyên | Ban Giám hiệu   | GVC, Phó Hiệu trưởng            | TS       | Điều khiển và Tự động hóa   | Thanh tra, hành chính, khoa học, thông tin thư viện, đoàn thể                                          | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 5  | Võ Tiến Trung   | Phòng Đào tạo   | GVC, Trưởng phòng               | TS       | Kỹ thuật Điện               | Đào tạo                                                                                                | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 6  | Phạm Văn Thống  | Phòng Đào tạo   | Giảng viên,<br>Phó Trưởng phòng | Ths      | Sư phạm kỹ thuật            | Đào tạo                                                                                                | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 7  | Nguyễn Khắc Hải | Phòng Đào tạo   | GVC,<br>Phó Trưởng phòng        | Ths      | Khoa học xã hội và nhân văn | Đào tạo                                                                                                | LLCT, quản lý          |         |

| TT | Họ và tên          | Đơn vị              | Chức vụ                          | Trình độ | Chuyên môn                        | Lĩnh vực phụ trách                                                                              | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------|----------------------------------|----------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| 8  | Lê Thanh Tươi      | Phòng Đào tạo       | Giảng viên                       | Ths      | Hệ thống thông tin                | Đào tạo                                                                                         | CNTT                   |         |
| 9  | Trần Minh Đức      | Phòng Kế toán - TC  | Giảng viên,<br>Trưởng phòng      | Ths      | Kinh doanh và quản lý             | Kế toán, tài chính                                                                              | Kế toán,<br>quản lý    |         |
| 10 | Hồ Xuân Bằng       | Phòng Tổ chức - TT  | GVC, Trưởng phòng,<br>Thư ký HĐT | Ths      | Kỹ thuật Tự động hóa              | Hội đồng trường, tổ chức bộ máy, nhân sự, thanh tra, pháp chế, phòng chống tiêu cực, tham nhũng | Kỹ thuật,<br>quản lý   |         |
| 11 | Nguyễn Thành Nghĩa | Phòng Tổ chức - TT  | Giảng viên,<br>Phó Trưởng phòng  | Ths      | Hệ thống thông tin                | Thanh tra, pháp chế, phòng                                                                      | CNTT, quản lý          |         |
| 12 | Phan Thị Hoa Nam   | Phòng Tổ chức - TT  | Giảng viên                       | Ths      | Hoá học                           | Thanh tra                                                                                       | KHTN                   |         |
| 13 | Hồ Thị Thanh Vân   | Phòng Tổ chức - TT  | Giảng viên                       | ĐH       | Tiếng Anh                         | Thanh tra                                                                                       | Ngoại ngữ              |         |
| 14 | Lê Minh Tân        | Phòng Quản trị - TB | Giảng viên,<br>Phó Trưởng phòng  | Ths      | Giáo dục học                      | Cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị, vật tư, dụng cụ                                        | Giáo dục,<br>quản lý   |         |
| 15 | Nguyễn Viết Cường  | Phòng Quản trị - TB | Giảng viên,<br>Phó Trưởng phòng  | Ths      | Toán ứng dụng                     | Cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị, vật tư, dụng cụ                                        | CNTT, quản lý          |         |
| 16 | Nguyễn Quang Thanh | Phòng Quản trị - TB | Giảng viên                       | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực          | Quản trị thiết bị                                                                               | Kỹ thuật               |         |
| 17 | Lê Khắc Bình       | Phòng Khoa học-HTQT | GVC, Trưởng phòng                | TS       | Cơ khí động lực                   | Quản lý khoa học, HTQT                                                                          | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 18 | Vũ Thị Minh        | Phòng Khoa học-HTQT | Giảng viên,<br>Phó Trưởng phòng  | TS       | Khoa học giáo dục                 | Quản lý khoa học, HTQT                                                                          | Giáo dục, quản lý      |         |
| 19 | Trần Mạnh Cường    | Phòng Khoa học-HTQT | Giảng viên                       | Ths      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy | HTQT                                                                                            | Kỹ thuật               |         |



| TT | Họ và tên           | Đơn vị                 | Chức vụ                        | Trình độ | Chuyên môn                              | Lĩnh vực phụ trách                         | Hướng nghiên cứu chính         | Ghi chú |
|----|---------------------|------------------------|--------------------------------|----------|-----------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 20 | Nguyễn Thị Lan Anh  | Phòng Tổng hợp-HC      | Giảng viên,<br>Trưởng phòng    | Ths      | Triết học                               | Tổng hợp, hành chính                       | LLCT, quản lý                  |         |
| 21 | Ngô Tất Hoạt        | Phòng Khảo thí và ĐBCL | GVC, Trưởng phòng              | TS       | Khoa học giáo dục                       | Khảo thí và ĐBCL                           | Khảo thí,<br>ĐBCL, quản lý     |         |
| 22 | Trần Thị Hằng       | Phòng Khảo thí và ĐBCL | Giảng viên                     | Ths      | Công nghệ thông tin                     | Khảo thí và ĐBCL                           | Khảo thí                       |         |
| 23 | Nguyễn Thị Tô Oanh  | Phòng Khảo thí và ĐBCL | Giảng viên                     | Ths      | Vật lý                                  | Khảo thí và ĐBCL                           | Khảo thí                       |         |
| 24 | Phan Xuân Thạch     | Phòng Công tác SV      | Giảng viên,<br>Trưởng phòng    | Ths      | Quản trị kinh doanh                     | Công tác sinh viên                         | Kinh tế, quản lý               |         |
| 25 | Hoàng Thị Thanh Tâm | Phòng Công tác SV      | Giảng viên                     | Ths      | Cơ khí động lực                         | Công tác sinh viên                         | Công tác sinh viên             |         |
| 26 | Trần Duy Trinh      | Khoa Điện - Điện tử    | GVC, Trưởng khoa               | TS       | Điều khiển và tự động hóa               | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kỹ thuật, quản lý              |         |
| 27 | Lê Văn Biên         | Khoa Điện - Điện tử    | Giảng viên,<br>Phó Trưởng khoa | TS       | Hệ thống thông tin và truyền thông      | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kỹ thuật, hệ thống TT, quản lý |         |
| 28 | Nguyễn Minh Quân    | Khoa Điện - Điện tử    | Giảng viên,<br>Phó Trưởng khoa | Ths      | Điện tử - Viễn thông                    | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kỹ thuật, quản lý              |         |
| 29 | Nguyễn Anh Tuấn     | Khoa Điện - Điện tử    | Giảng viên                     | Ths      | Kỹ thuật đo lường và điều khiển tự động | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật                       |         |
| 30 | Nguyễn Văn Minh     | Khoa Điện - Điện tử    | Giảng viên                     | Ths      | Sư phạm kỹ thuật                        | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật                       |         |
| 31 | Đào Thị Thu Hậu     | Khoa Điện - Điện tử    | Giảng viên                     | Ths      | Kỹ thuật Điện khí hóa mỏ                | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật                       |         |
| 32 | Nguyễn Khắc Tuấn    | Khoa Điện - Điện tử    | Giảng viên                     | TS       | Kỹ thuật                                | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật                       |         |
| 33 | Nguyễn Minh Thư     | Khoa Điện - Điện tử    | GVC                            | Ths      | Kỹ thuật Điện                           | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật                       |         |

| TT | Họ và tên             | Đơn vị              | Chức vụ    | Trình độ | Chuyên môn                          | Lĩnh vực phụ trách | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|----|-----------------------|---------------------|------------|----------|-------------------------------------|--------------------|------------------------|---------|
| 34 | Nguyễn Thị Thanh Ngân | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Mạng và Hệ thống điện               | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 35 | Nguyễn Thanh Long     | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật Điện khí hoá mở            | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 36 | Trần Nguyễn Bảo Ninh  | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa  | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 37 | Võ Tiến Dũng          | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | TS       | Kỹ thuật điện                       | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 38 | Ngô Thị Lê            | Khoa Điện - Điện tử | GVC        | Ths      | Đo Lường và các hệ thống điều khiển | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 39 | Phạm Văn Tuấn         | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | TS       | Kỹ thuật Điện                       | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 40 | Hà Quốc Tuấn          | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật                    | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 41 | Nguyễn Văn Độ         | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 42 | Nguyễn Thị Thanh Bình | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật Tự động hóa                | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 43 | Bùi Thanh Hòa         | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 44 | Bùi Trung Tuyển       | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 45 | Trần Thu Trà          | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật viễn thông                 | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 46 | Dương Thị Tuyết Mai   | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật điện                       | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 47 | Đặng Quang Khoa       | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | TS       | Kỹ thuật                            | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |



| TT | Họ và tên           | Đơn vị              | Chức vụ    | Trình độ | Chuyên môn                                  | Lĩnh vực phụ trách                         | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|----|---------------------|---------------------|------------|----------|---------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|---------|
| 48 | Hoàng Thị Thanh Vân | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Giáo dục học (Phương pháp giảng dạy Vật lý) | Cố vấn học tập, giảng dạy                  | KHTN                   |         |
| 49 | Hoàng Nghĩa Thắng   | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa          | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 50 | Lê Thị Ngọc Hà      | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Điện tử - Viễn thông                        | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 51 | Bùi Xuân Vinh       | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật Tự động hóa                        | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 52 | Nguyễn Đăng Thông   | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật viễn thông                         | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 53 | Nguyễn Đình Thư     | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật viễn thông                         | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 54 | Trần Thị Thương     | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật viễn thông                         | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 55 | Lê Hồng Lam         | Khoa Điện - Điện tử | GVC        | TS       | Kỹ thuật phần mềm                           | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 56 | Hà Huy Công         | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật điện                               | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 57 | Võ Văn Đức          | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật điện                               | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 58 | Võ Đình Hiệp        | Khoa Điện - Điện tử | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật Nhiệt                              | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 59 | Lê Thái Sơn         | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | TS       | Kỹ thuật                                    | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 60 | Phạm Minh Tâm       | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | TS       | Kỹ thuật cơ khí                             | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 61 | Lưu Thủy Chung      | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí chính xác và quang học      | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |

| TT | Họ và tên          | Đơn vị              | Chức vụ    | Trình độ | Chuyên môn               | Lĩnh vực phụ trách | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------|------------|----------|--------------------------|--------------------|------------------------|---------|
| 62 | Kiều Anh Dũng      | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật         | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 63 | Trần Văn Giang     | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật         | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 64 | Lê Phú Cường       | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật         | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 65 | Ngô Ngọc Sơn       | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật         | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 66 | La Ngọc Tuấn       | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | TS       | Kỹ thuật cơ khí          | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 67 | Cao Xuân Lại       | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 68 | Nguyễn Khắc Chính  | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí          | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 69 | Phạm Thanh Phú     | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 70 | Ngô Xuân Sơn       | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí          | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 71 | Đậu Tấn Cường      | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 72 | Nguyễn Chương Đạo  | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 73 | Trương Nguyên Hiến | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 74 | Hoàng Xuân Lãm     | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí          | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 75 | Nguyễn Bá Thuận    | Khoa Cơ khí chế tạo | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |



| TT | Họ và tên         | Đơn vị               | Chức vụ                     | Trình độ | Chuyên môn                     | Lĩnh vực phụ trách                         | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|----|-------------------|----------------------|-----------------------------|----------|--------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|---------|
| 76 | Lê Văn Sinh       | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực       | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 77 | Lương Hải Chung   | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | Ths      | Kỹ thuật cơ khí                | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 78 | Ngô Văn Giang     | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | Ths      | Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 79 | Nguyễn Chung      | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | TS       | Kỹ thuật cơ khí                | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 80 | Lê Thị Ngân       | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | Ths      | Quản trị kinh doanh            | Giảng dạy, NCKH                            | Kinh tế                |         |
| 81 | Nguyễn Hữu Ngoạn  | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | Ths      | Kỹ thuật Cơ khí động lực       | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 82 | Mai Tất Lợi       | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | Ths      | Kỹ thuật cơ khí                | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 83 | Hoàng Hữu Tân     | Khoa Cơ khí chế tạo  | Giảng viên                  | Ths      | Cơ học kỹ thuật                | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 84 | Nguyễn Thanh Bình | Khoa Cơ khí động lực | GVC, Trưởng khoa            | TS       | Kỹ thuật cơ khí                | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 85 | Nguyễn Ngọc Tú    | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên, Phó Trưởng khoa | TS       | Kỹ thuật cơ khí động lực       | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 86 | Lê Xuân Đồng      | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên                  | Ths      | Sư phạm kỹ thuật               | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 87 | Trần Viết Phương  | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên                  | Ths      | Sư phạm kỹ thuật               | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 88 | Dương Đình Vinh   | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên                  | Ths      | Sư phạm kỹ thuật               | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 89 | Lê Văn Lương      | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên                  | Ths      | Sư phạm kỹ thuật               | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |

| TT  | Họ và tên         | Đơn vị               | Chức vụ    | Trình độ | Chuyên môn                      | Lĩnh vực phụ trách | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------|------------|----------|---------------------------------|--------------------|------------------------|---------|
| 90  | Phạm Văn Thành    | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật                | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 91  | Trần Xuân Sơn     | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật cơ khí         | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 92  | Nguyễn Văn Hiếu   | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Sư phạm kỹ thuật                | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 93  | Nguyễn Hữu Phúc   | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật ô tô và xe chuyên dụng | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 94  | Lương Văn Chiến   | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Công nghệ chế tạo máy           | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 95  | Nguyễn Văn Thiêm  | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực        | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 96  | Nguyễn Hồng Ngoan | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực        | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 97  | Dương Xuân Mỹ     | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật ô tô, máy kéo          | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 98  | Trần Đình Hiếu    | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | TS       | Kỹ thuật Cơ khí                 | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 99  | Mai Thị Hoàn      | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Công nghệ thông tin             | Giảng dạy, NCKH    | CNTT                   |         |
| 100 | Nguyễn Văn Đại    | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực        | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 101 | Đào Tất Thắm      | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực        | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 102 | Hoàng Văn Thụ     | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ khí động lực        | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |
| 103 | Phạm Huy Bằng     | Khoa Cơ khí động lực | Giảng viên | Ths      | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng          | Giảng dạy, NCKH    | Kỹ thuật               |         |



| TT  | Họ và tên              | Đơn vị                   | Chức vụ          | Trình độ | Chuyên môn            | Lĩnh vực phụ trách                         | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------|------------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|------------------------|---------|
| 104 | Nguyễn Hữu Chính       | Khoa Cơ khí động lực     | Giảng viên       | Ths      | Sư phạm kỹ thuật ô tô | Giảng dạy, NCKH                            | Kỹ thuật               |         |
| 105 | Hồ Ngọc Vinh           | Khoa Công nghệ thông tin | GVC, Trưởng khoa | TS       | Toán học              | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | KHTN, quản lý          |         |
| 106 | Vũ Thị Thu Hiền        | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Khoa học máy tính     | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | CNTT, quản lý          |         |
| 107 | Phạm Thị Đào           | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Hệ thống thông tin    | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 108 | Nguyễn Thị Phương Thủy | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Hệ thống thông tin    | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 109 | Trần Bình Giang        | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Khoa học máy tính     | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 110 | Nguyễn Thị Lan Anh     | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Hệ thống thông tin    | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 111 | Phạm Thị Thanh Bình    | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Hệ thống thông tin    | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 112 | Võ Thị Kim Hoa         | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Hệ thống thông tin    | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 113 | Nguyễn Thị Quỳnh Vinh  | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Công nghệ thông tin   | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 114 | Trần Thị Gia           | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Khoa học máy tính     | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 115 | Phan Việt Đức          | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Toán ứng dụng         | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 116 | Nguyễn Quốc Khánh      | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Công nghệ thông tin   | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |
| 117 | Lê Thị Linh            | Khoa Công nghệ thông tin | Giảng viên       | Ths      | Hệ thống thông tin    | Giảng dạy, NCKH                            | CNTT                   |         |

| TT  | Họ và tên             | Đơn vị               | Chức vụ              | Trình độ | Chuyên môn                                | Lĩnh vực phụ trách                         | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------|----------------------|----------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|---------|
| 118 | Nguyễn Thị Trâm       | Khoa Kinh tế         | GVC, Trưởng khoa     | TS       | Kinh tế chính trị                         | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Kinh tế, quản lý       |         |
| 119 | Nguyễn Thị Mai Hương  | Khoa Kinh tế         | Giảng viên           | Ths      | Tài chính - Ngân hàng                     | Giảng dạy, NCKH                            | Kinh tế                |         |
| 120 | Nguyễn Thị Kim Oanh   | Khoa Kinh tế         | Giảng viên           | Ths      | Quản trị kinh doanh                       | Giảng dạy, NCKH                            | Kinh tế                |         |
| 121 | Nguyễn Thị Mỹ Trang   | Khoa Kinh tế         | Giảng viên           | Ths      | Kinh doanh và quản lý                     | Giảng dạy, NCKH                            | Kinh tế                |         |
| 122 | Nguyễn Thị Thơ        | Khoa Kinh tế         | Giảng viên           | TS       | Quản trị kinh doanh                       | Giảng dạy, NCKH                            | Kinh tế                |         |
| 123 | Chu Thị Cẩm Hà        | Khoa Kinh tế         | Giảng viên           | Ths      | Kinh doanh và quản lý                     | Giảng dạy, NCKH                            | Kinh tế                |         |
| 124 | Lê Hồng Sơn           | K. Đại cương-NN-QPAN | GVC, Trưởng khoa     | TS       | Lý thuyết xác suất và thống kê            | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | KHTN, quản lý          |         |
| 125 | Nguyễn Văn Luyện      | K. Đại cương-NN-QPAN | GVC, Phó Trưởng khoa | Ths      | Giáo dục học                              | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | GDTC, QPAN, quản lý    |         |
| 126 | Trần Khắc Hoàn        | K. Đại cương-NN-QPAN | GVC, Phó Trưởng khoa | TS       | Quản lý giáo dục                          | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Giáo dục, quản lý      |         |
| 127 | Nguyễn Thị Lan Phương | K. Đại cương-NN-QPAN | GVC, Phó Trưởng khoa | Ths      | Tiếng Anh                                 | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Ngoại ngữ, quản lý     |         |
| 128 | Nguyễn Thị Thu Nhung  | K. Đại cương-NN-QPAN | GVC                  | Ths      | Giáo dục học (Phương pháp giảng dạy toán) | Giảng dạy, NCKH                            | KHTN                   |         |
| 129 | Lê Thị Ngọc Linh      | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên           | Ths      | Phương pháp giảng dạy Vật Lý              | Giảng dạy, NCKH                            | KHTN                   |         |
| 130 | Ngụy Thị Xuân Hợi     | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên           | Ths      | Hoá học                                   | Giảng dạy, NCKH                            | KHTN                   |         |
| 131 | Trần Hải Yến          | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên           | Ths      | Toán học                                  | Giảng dạy, NCKH                            | KHTN                   |         |



| TT  | Họ và tên          | Đơn vị               | Chức vụ    | Trình độ | Chuyên môn         | Lĩnh vực phụ trách | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------|------------|----------|--------------------|--------------------|------------------------|---------|
| 132 | Bùi Danh Hào       | K. Đại cương-NN-QPAN | GVC        | TS       | Giáo dục học       | Giảng dạy, NCKH    | Giáo dục               |         |
| 133 | Lê Thị Huệ         | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Toán học           | Giảng dạy, NCKH    | KHTN                   |         |
| 134 | Ngô Thị Huyền      | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Toán học           | Giảng dạy, NCKH    | KHTN                   |         |
| 135 | Phan Văn Thám      | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Khoa học giáo dục  | Giảng dạy, NCKH    | GDTC, QPAN             |         |
| 136 | Nguyễn Đình Tuấn   | K. Đại cương-NN-QPAN | GVC        | Ths      | Giáo dục thể chất  | Giảng dạy, NCKH    | GDTC, QPAN             |         |
| 137 | Lê Anh Thơ         | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Khoa học giáo dục  | Giảng dạy, NCKH    | GDTC, QPAN             |         |
| 138 | Hoàng Công Minh    | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Khoa học giáo dục  | Giảng dạy, NCKH    | GDTC, QPAN             |         |
| 139 | Nguyễn Xuân Trường | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Khoa học giáo dục  | Giảng dạy, NCKH    | GDTC, QPAN             |         |
| 140 | Nguyễn Công Thắng  | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Khoa học chính trị | Giảng dạy, NCKH    | GDTC, QPAN             |         |
| 141 | Nguyễn Thị Lệ Hằng | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Tiếng Anh          | Giảng dạy, NCKH    | Ngoại ngữ              |         |
| 142 | Đinh Thị Thu       | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Tiếng Anh          | Giảng dạy, NCKH    | Ngoại ngữ              |         |
| 143 | Đoàn Thị Bích Diễm | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Tiếng Anh          | Giảng dạy, NCKH    | Ngoại ngữ              |         |
| 144 | Bùi Thị Xuân Linh  | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Tiếng Anh          | Giảng dạy, NCKH    | Ngoại ngữ              |         |
| 145 | Phạm Hải Yến       | K. Đại cương-NN-QPAN | Giảng viên | Ths      | Tiếng Anh          | Giảng dạy, NCKH    | Ngoại ngữ              |         |

| TT  | Họ và tên           | Đơn vị                 | Chức vụ                 | Trình độ | Chuyên môn            | Lĩnh vực phụ trách                         | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|-------------------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------|------------------------|---------|
| 146 | Lê Thị Thúy         | K. Đại cương-NN-QPAN   | Giảng viên              | Ths      | Tiếng Anh             | Giảng dạy, NCKH                            | Ngoại ngữ              |         |
| 147 | Lê Minh Sao         | K. Đại cương-NN-QPAN   | Giảng viên              | Ths      | Tiếng Anh             | Giảng dạy, NCKH                            | Ngoại ngữ              |         |
| 148 | Bùi Thị Hằng        | K. Đại cương-NN-QPAN   | Giảng viên              | Ths      | Hóa học               | Giảng dạy, NCKH                            | KHTN                   |         |
| 149 | Đậu Duy Lịch        | K. Đại cương-NN-QPAN   | Giảng viên              | TS       | Tiếng Anh             | Giảng dạy, NCKH                            | Ngoại ngữ              |         |
| 150 | Phan Thị Tĩnh       | K. Đại cương-NN-QPAN   | Giảng viên              | TS       | Tiếng Anh             | Giảng dạy, NCKH                            | Ngoại ngữ              |         |
| 151 | Lê Cao Tịnh         | K. Đại cương-NN-QPAN   | Giảng viên              | TS       | Giáo dục              | Giảng dạy, NCKH                            | Ngoại ngữ              |         |
| 152 | Phan Thị Tâm        | Khoa Sư phạm           | GVC, Trưởng khoa        | TS       | Tâm lý học            | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | Tâm lý, quản lý        |         |
| 153 | Nguyễn Thị Thu Hiền | Khoa Sư phạm           | GVC                     | Ths      | Tâm lý học            | Giảng dạy, NCKH                            | Tâm lý                 |         |
| 154 | Võ An Hải           | Khoa Sư phạm           | Giảng viên              | Ths      | Sư phạm kỹ thuật      | Giảng dạy, NCKH                            | Sư phạm kỹ thuật       |         |
| 155 | Lê Trọng Phong      | Khoa Sư phạm           | GVC                     | TS       | Tâm lý học            | Giảng dạy, NCKH                            | Tâm lý                 |         |
| 156 | Phan Cẩm Tú         | Khoa Sư phạm           | Giảng viên              | Ths      | Khoa học giáo dục     | Giảng dạy, NCKH                            | Khoa học giáo dục      |         |
| 157 | Cao Thị Thảo        | Khoa Sư phạm           | Giảng viên              | Ths      | Tâm lý giáo dục       | Giảng dạy, NCKH                            | Tâm lý                 |         |
| 158 | Nguyễn Thị Hoa      | Khoa Sư phạm           | Giảng viên              | Ths      | Kinh doanh và quản lý | Giảng dạy, NCKH                            | Kinh tế                |         |
| 159 | Nguyễn Công An      | Khoa Lý luận chính trị | Giảng viên, Trưởng khoa | Ths      | Triết học             | Đào tạo, phát triển khoa, phát triển ngành | LLCT, quản lý          |         |



| TT  | Họ và tên            | Đơn vị                   | Chức vụ                         | Trình độ | Chuyên môn         | Lĩnh vực phụ trách                                              | Hướng nghiên cứu chính | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------|---------------------------------|----------|--------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| 160 | Vũ Thị Kim Thanh     | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Kinh tế chính trị  | Giảng dạy, NCKH                                                 | KTCT                   |         |
| 161 | Mai Thị Thanh Châu   | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Lịch sử            | Giảng dạy, NCKH                                                 | Lý luận chính trị      |         |
| 162 | Lê Thị Ngọc Hà       | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Triết học          | Giảng dạy, NCKH                                                 | Lý luận chính trị      |         |
| 163 | Đinh Thị Nga Phượng  | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Luật học           | Giảng dạy, NCKH                                                 | Luật                   |         |
| 164 | Phạm Thị Bích Ngọc   | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Lịch sử            | Giảng dạy, NCKH                                                 | Lý luận chính trị      |         |
| 165 | Lưu Thị Thu Hiền     | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Triết học          | Giảng dạy, NCKH                                                 | Lý luận chính trị      |         |
| 166 | Nguyễn Thị Anh Đào   | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Lịch sử            | Giảng dạy, NCKH                                                 | Lý luận chính trị      |         |
| 167 | Lê Việt Hà           | Khoa Lý luận chính trị   | Giảng viên                      | Ths      | Luật học           | Giảng dạy, NCKH                                                 | Luật                   |         |
| 168 | Lê Văn Vinh          | Trung tâm Thông tin - TV | Giảng viên,<br>Phó Trưởng TT    | Ths      | Hệ thống thông tin | Truyền thông, phát triển thư viện, chuyển đổi số                | CNTT, quản lý          |         |
| 169 | Nguyễn Thị Hồng Thơm | Trung tâm Đào tạo, BD    | Giảng viên,<br>Trưởng trung tâm | Ths      | Giáo dục học       | Đào tạo, BD ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, đánh giá KN nghề | Giáo dục, quản lý      |         |
| 170 | Phan Thế Quang       | Trung tâm Đào tạo, BD    | Giảng viên,<br>Phó Trưởng TT    | Ths      | Sư phạm kỹ thuật   | Đào tạo, BD ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, đánh giá KN nghề | Kỹ thuật, quản lý      |         |
| 171 | Nguyễn Anh Tuấn      | Trung tâm Đào tạo, BD    | Giảng viên,<br>Phó Trưởng TT    | Ths      | Sư phạm kỹ thuật   | Quan hệ doanh nghiệp và việc làm SV                             | Kỹ thuật, quản lý      |         |

TRƯỞNG PHÒNG

Hồ Xuân Bằng